TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **371**/2023/HS-ST.
Ngày 25 - 7 - 2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Dung.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thái Hòa.
Ông Phan Anh Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 388/2023/TLST-HS ngày 07 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 383/2023/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo: Trần Thị Ngọc T, sinh năm 1981, tại Q (có mặt); Nơi thường trú: 11A, Tổ E, khu phố R, phường Y, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Chổ ở hiện nay: C39, Tổ I, khu phố O, phường Y, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam, con ông Trần Văn T1, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị Ngọc P, sinh năm 1963; chồng Bùi Thế D, sinh năm 1977 (đã chết) và có 01 con sinh năm 2011; bị cáo chung sống như vợ chồng với Phạm Ngọc A, sinh năm 1979; có 01 con sinh năm 2022.

Tiền án, tiền sự: không

Bị bắt quả tang ngày 17/3/2023 và bị tạm giữ từ ngày 18/3/2023 đến ngày 27/3/2023. Hiện bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị Ngọc T là đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy.

Khoảng 11 giờ ngày 15/3/2023, T đi đến khu vực ngã tư Amata thuộc phường Y, thành phố B, tỉnh Đồng Nai gặp đối tượng (chưa rõ lai lịch) mua 02

(hai) gói ma túy tổng hợp (dạng đá) với giá 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng), mục đích để sử dụng.

Đến khoảng 23 giờ 40 phút ngày 17/3/2023, khi T đang cất giấu 02 gói ma túy nêu trên trong chiếc túi giấy T đang cầm trên tay phải và đi đến khu vực trước nhà số 755, hẻm 753 thuộc tổ E, khu phố R, phường Y, thành phố B, tỉnh Đồng Nai để tìm nơi sử dụng thì bị Công an phường Y, thành phố B kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang, chuyển giao Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B xử lý.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Thị Ngọc T khai nhận hành vi phạm tội như trên.

- Vật chứng thu giữ:

+ 02 (hai) đoạn nilon được bịt kín hai đầu bên trong có chứa tinh thể màu trắng, đã được niêm phong, có chữ ký của Trần Thị Ngọc T và hình dấu mộc tròn của Công an phường Y;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung, số Imei 352287563717468 đã qua sử dụng là của T không sử dụng vào việc phạm tội.

Tại Kết luận giám định số: 539/KL-KTHS ngày 23/3/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai đã kết luận: Mẫu tinh thể màu trắng được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 0,1908g loại Methamphetamine.

Bản cáo trạng số: 384/CT-VKSBH ngày 30/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố bị cáo Trần Thị Ngọc T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày lời luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc T từ 01 (một) năm tù đến 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: Số lượng ma túy Cơ quan điều tra thu giữ còn lại sau giám định.

- Trả lại cho bị cáo Trần Thị Ngọc T 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung, số imei: 352287563717468 do không liên quan đến việc phạm tội.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố

Biên Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của bị cáo phù hợp với các lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, các chứng cứ khác có tại hồ sơ và cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố. Từ đó đã có đủ cơ sở kết luận: Vào lúc 23 giờ 40 phút ngày 17/3/2023, tại phía trước nhà số 755, hẻm 753 thuộc tổ E, khu phố R, phường Y, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, bị cáo Trần Thị Ngọc T có hành vi tàng trữ trái phép 0,1908 gam ma túy, loại Methamphetamine thì bị Công an phường Y, thành phố B kiểm tra phát hiện, bắt quả tang.

Tại Kết luận giám định số: 539/KL-KTHS ngày 23/3/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai đã kết luận:

"Mẫu tinh thể màu trắng được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 0,1908 gam Methamphetamine".

Hành vi của bị cáo Trần Thị Ngọc T đã phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố là có căn cứ.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy và là một trong những nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm cũng như các tệ nạn xã hội khác. Bản thân bị cáo biết rõ việc tàng trữ và sử dụng trái phép chất ma túy pháp luật nghiêm cấm, nhưng để có ma túy sử dụng, bị cáo đã bất chấp quy định của pháp luật. Nên cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, cải tạo giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng: không.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chưa có tiền án, tiền sự. Hiện bị cáo đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 gói niêm phong số: 539/KLGĐ ngày 23/3/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai.

- Trả lại cho bị cáo Trần Thị Ngọc T 01 (một) điện thoại hiệu Samsung, số imei: 352287563717468, Mode A01 (đã qua sử dụng) do không liên quan đến việc phạm tội.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 06/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đồng Nai).

[7] Đối với đối tượng (chưa rõ nhân thân lai lịch) đã bán ma túy cho bị cáo Trần Thị Ngọc T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiếp tục làm rõ xử lý sau.

[8] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Trần Thị Ngọc T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Thị Ngọc T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc T 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án phạt tù được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 18/3/2023 đến ngày 27/3/2023.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 gói niêm phong số: 539/KLGĐ ngày 23/3/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai.
- Trả lại cho bị cáo Trần Thị Ngọc T 01 (một) điện thoại hiệu Samsung, số imei: 352287563717468, Mode A01 (đã qua sử dụng) do không liên quan đến việc phạm tội.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 06/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đồng Nai).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa (2);
- Nhà tạm giữ Công an TP. Biên Hòa (1);
- Thi hành án hình sự (6);
- Bị cáo (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)
Trần Thị Kim Dung